TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỊNH QUÁN** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30/7/2018/
V/v*: "Xin ly hôn"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Vũ Mạnh Cường**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Liệu**

Bà Trương Thị Lệ Thanh

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa**:*** **Ông Nguyễn Văn Thành** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán:* **Ông Vũ Văn Hội -** Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 200/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2018 về việc: "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28/6/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 52/2018/QĐST-HPT ngày 13/7/2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh T sinh năm: 1970**

Nơi cư trú: số 4376/H ấp B, xã P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

*** Bị đơn: Anh Vũ Quốc A sinh năm: 1967**

Nơi cư trú: số 4376/H ấp B, xã P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T có mặt, anh A vắng mặt)

*** Người làm chứng:**

1. Chị Nguyễn Thị Thúy P sinh năm: 1977

Nơi cư trú: ấp B, xã P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai

2. Chị Nguyễn Thị Thanh L sinh năm: 1969

Nơi cư trú: ấp B, xã Phú C, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai

(Chị P, chị L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 03/4/2018, bản tường trình, biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh T trình bày:**

Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Vũ Quốc A tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/8/1998. Đây là hôn nhân lần đầu của chị T và anh A. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Khoảng tháng 5/2013 anh A vô cớ đánh chị T nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Từ khoảng tháng 05/2013 đến nay, chị T và anh A đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Việc anh A đánh chị T không để lại thương tích gì nên chị T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị T xin ly hôn với anh A.

Về con chung: Chị T và anh A có 04 con chung là Vũ Công S, sinh ngày 01/01/1997; Vũ Nhật Tr, sinh ngày: 05/9/1994; Vũ Thụy N, sinh ngày: 04/3/1992 và Vũ Minh A, sinh ngày: 29/7/2009. Hiện các con chung Vũ Công S, Vũ Nhật Tr, Vũ Thụy N đã trưởng thành và có khả năng lao động nên khi ly hôn chị T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với con chung là Vũ Minh A, khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con. Chị T yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn anh Vũ Quốc A đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án; được triệu tập hợp lệ để làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng anh A không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ tố tụng:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 13/7/2018 cho bị đơn anh Vũ Quốc A nhưng tại phiên tòa hôm nay anh A vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung:

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Minh T và anh Vũ Quốc A khi kết hôn trên cơ sở tự nguyện không vi phạm các điều kiện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/8/1998 (BL 07) theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo hộ.

Trong cuộc sống hôn nhân chị T xác định giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và cãi nhau. Giữa chị T và anh A đã sống ly thân, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng (BL 22). Điều này phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án (BL 14, 15, 31, 32)

Qúa trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến nay Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh A để làm việc, hòa giải và tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng anh A đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Điều này cho thấy anh A không có thiện chí hòa giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh A tình trạng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T yêu cầu xin ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận

Về con chung:

Chị T và anh A có 04 con chung là Vũ Công S, sinh ngày 01/01/1997; Vũ Nhật Tr, sinh ngày: 05/9/1994; Vũ Thụy N, sinh ngày: 04/3/1992 và Vũ Minh A, sinh ngày: 29/7/2009.

Xét yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là cháu Vũ Minh A của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận. Bởi lẽ, từ thời gian vợ chồng sống ly thân thì con chung do chị T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Ngoài ra, cháu Minh A có nguyện vọng được sống với chị T trong trường hợp cha mẹ không còn sống chung với nhau.

Theo chị T trình bày, hiện chị T đang làm nghề may tại nhà, thu nhập không ổn định, mỗi tháng khoảng 4.000.000đ. Anh Võ Quốc A làm bảo vệ, thu nhập ổn định nên chị T yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ. Xét yêu cầu của chị T là cần thiết và phù hợp với Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Đối với các con chung là Vũ Công S, sinh ngày 01/01/1997; Vũ Nhật Tr, sinh ngày: 05/9/1994 và Vũ Thụy N, sinh ngày: 04/3/1992 hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động. Khi ly hôn chị T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

***Về tài sản*:** Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Tòa án, người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành nghiêm về quan hệ tố tụng, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng khi giải quyết vụ án. Bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí

Tuyên xử:

Xử cho chị Nguyễn Thị Minh T và anh Vũ Quốc A ly hôn

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Minh T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là Vũ Minh A, sinh ngày: 29/7/2009

Anh Vũ Quốc A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Vũ Minh A mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng)

Đối với các con chung là Vũ Công S, sinh ngày 01/01/1997; Vũ Nhật Tr, sinh ngày: 05/9/1994 và Vũ Thụy N, sinh ngày: 04/3/1992 hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

Khi ly hôn, pháp luật vẫn bảo hộ mọi quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung (quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con …).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

Về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 004877 ngày 23/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Vũ Quốc A phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh
- VKSND HĐQ;
- THADS HĐQ;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Mạnh Cường